

Bản án số: 49/2020/HNGĐ-ST  
Ngày: 11 tháng 8 năm 2020  
V/v “Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B  
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư.
2. Bà Thân Thị Tuyết Nhung.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Đặng Văn Hưng – Thư ký Toà án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B: Ông Trần Ngọc Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11/8/2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 252/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/7/2020 giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1994. Địa chỉ: thôn C, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

+ **Bị đơn:** Anh Vũ Văn H, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn C, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.(có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N có mặt tại phiên tòa trình bày:*

Chị N với anh Vũ Văn H kết hôn với nhau ngày 20/01/2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã D thành phố B, tỉnh Bắc Giang; có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Trước khi kết hôn hai người được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn thì Chị N về làm dâu nhà anh H ngay ở tại thôn C, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Trong thời gian chung sống, hai bên đã xảy ra mâu thuẫn do anh H không hợp nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã lẫn nhau, có lần vào tháng 7/2018 anh H đã đánh Chị N. Chị N đã bỏ về nhà bố mẹ để ở tại thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang với thời gian là 1 tháng, sau đó anh H đón thì chị Nhung đã về đoàn tụ sống chung vợ chồng. Nhưng cuộc sống hai vợ chồng không được hạnh phúc. Đến ngày 01/6/2020 do mâu thuẫn vợ chồng trầm

trọng nên Chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở tại thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang và ở từ đó đến nay không quay về nhà anh H nữa. Chị N và anh H ly thân nhau từ đó. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, Chị N đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Vũ Văn H.

Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Minh T sinh ngày 24/11/2016 hiện nay cháu một tuần thì ở với mẹ, một tuần thì cháu ở với bố. Ly hôn Chị N đề nghị được trực tiếp nuôi con. Hiện Chị N đang làm công nhân tại Công ty TNHH SAMSUNG SDI Việt Nam với mức thu nhập khoảng 9 đến 10 triệu đồng/tháng đảm bảo cho việc nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh H tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Chị N và anh H tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Vũ Văn H có mặt tại phiên tòa trình bày:*

Anh H với chị Nguyễn Thị N kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn ngày 20/01/2016 tại UBND xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Trước khi kết hôn hai người được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn thì Chị N về làm dâu nhà anh H ngay ở tại Thôn C, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Trong thời gian chung sống, hai bên có xảy ra mâu thuẫn nhưng là mâu thuẫn nhỏ do thỉnh thoảng hai người có xích mích nhưng chỉ xảy ra một hai lần cãi nhau nhưng cả hai lần Chị N đều bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở một thời gian. Lần đầu khoảng tháng 7/2018 do vợ chồng xích mích cãi vã lẫn nhau và đã xảy ra xô xát giữa hai vợ chồng nên Chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở được khoảng một tháng thì anh đến đón Chị N về để đoàn tụ gia đình cùng nhau nuôi con. Đến ngày 01/6/2020 do mâu thuẫn vợ chồng, Chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở tại thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang và ở từ đó đến nay không quay về nhà anh nữa. Hai người ly thân nhau từ đó. Anh có khuyên bảo và đón chị Nhưng về để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con khôn lớn trưởng thành nhưng Chị N nhất định không về đoàn tụ. Nay Chị N đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh. Anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Minh T sinh ngày 24/11/2016 hiện nay cháu một tuần thì ở với bố, một tuần thì ở với mẹ. Ly hôn anh H đề nghị được trực tiếp nuôi con. Hiện anh H đang làm công nhân tại Công ty ô tô Hiện Từ với mức thu nhập khoảng từ 10 đến 15 triệu đồng/tháng đảm bảo cho việc nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh H và Chị N tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Anh H và Chị N tự thỏa thuận nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên Toà hôm nay, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng với quy định của Bộ luật tố

tụng dân sự tại phiên tòa. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa, đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Cần chấp nhận ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Vũ Văn H.

- Về con chung: Giao con chung Vũ Minh T sinh ngày 24/11/2016 cho Chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, công nợ chung: các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày trong hồ sơ của nguyên đơn, bị đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và Chị N kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn và cưới hỏi theo phong tục địa phương nên quan hệ hôn nhân giữa anh H và Chị N là hợp pháp.

Trong thời gian chung sống hai bên thường xảy ra mâu thuẫn vợ chồng (Chị N cho rằng vợ chồng bất đồng quan điểm sống và lối sống) dẫn tới việc hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã lẫn nhau. Năm 2018 do mâu thuẫn vợ chồng, anh H đã đánh Chị N khiến cho vợ chồng phải ly thân một thời gian, sau đó Chị N lại về đoàn tụ. Tuy nhiên hai vợ chồng cũng không được hòa thuận hạnh phúc. Ngày 01/6/2020, do mâu thuẫn vợ chồng, Chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại thôn N, xã C, huyện L, tỉnh Bắc Giang và ly thân nhau từ đó không ai còn quan tâm đến ai. Xét thấy tình trạng hôn nhân mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần xử cho Chị N được ly hôn anh H (theo Điều 56- Luật hôn nhân và gia đình 2014).

[2] Về con chung: Hai vợ chồng có 01 con chung là cháu Vũ Minh T sinh ngày 24/11/2016. Cả Chị N và anh H đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Về thu nhập để đảm bảo sinh hoạt và nuôi con thì cả hai đều có việc làm ổn định và có thu nhập đảm bảo cho việc nuôi con. Cả hai vợ chồng tuy không có nhà riêng nhưng anh H và Chị N đều có bố, mẹ đẻ có nhà cửa ổn định để ở cùng. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung, cháu Vũ Minh T sinh ngày 24/11/2016 còn quá nhỏ cần phải có sự chăm sóc của người mẹ, nên cần giao con chung cho Chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con, Chị N và Anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N và anh H không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Xử:

**Về quan hệ hôn nhân:** Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Vũ Văn H.

**Về nuôi con chung:** Giao con chung Vũ Minh T sinh ngày 24/11/2016 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị N và anh Vũ Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

**Về tài sản chung và công nợ:** Nguyễn Thị N và anh Vũ Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về án phí:** Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí Chị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001411 ngày 09/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B. Xác nhận Chị N đã nộp xong 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm.

**Về quyền kháng cáo:** Chị Nguyễn Thị N và anh Vũ Văn H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP B;
- CCTHA-DS TP B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã phường nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Trường**

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Trường**